Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: …….

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HÀ MẠNH TUẤN

2. Ngày tháng năm sinh: 01/01/1966 ; Nam ☑ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 420/C13 Đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5 (Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)

Điện thoại nhà riêng: ……...; Điện thoại di động: 0903311709;

E-mail: hamanhtuan@ump.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1989 đến năm 1997: Bác sĩ điều trị tại BV Nhi Đồng 1, TP. Hồ Chí Minh

- Từ năm 1997 đến năm 2003: Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp, BV Nhi Đồng 1.

- Từ năm 2003 đến năm 2007: Phó Giám Đốc, BV Nhi Đồng 1.

- Từ năm 2007 đến năm 2017: Giám đốc, BV Nhi Đồng 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2017 đến năm 6/2018: Chuyên viên phòng Hành chánh tổng hợp của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (từ tháng 4/2017 là phó phòng Hành chánh tổng hợp).

- Từ năm 6/2018 đến nay: Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học;

Chức vụ cao nhất đã qua: Giám Đốc bệnh viện

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. HCM

Điện thoại cơ quan: 02838558411

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..…… ……

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 3 năm 1991; số văn bằng: A05029; ngành: Y, chuyên ngành: Nhi; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 5 năm 1998; số văn bằng: 7487; ngành: Y học; chuyên ngành: Nhi; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 6 năm 2007; số văn bằng: 04848; ngành: Y học; chuyên ngành: Nhi; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày … tháng … năm ....; số văn bằng: ……..; ngành: …….; chuyên ngành: ……; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): …….

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …… tháng ……. năm ……. ,

ngành: ……..……..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

a. Bệnh truyền nhiễm và các nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ em**:** *Sốt xuất huyết, bệnh Tay chân miệng, nhiễm khuẩn hô hấp cấp, tiêu chảy và các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp khác* theo các định hướng:

+ Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và tiên lượng bệnh, xử trí bệnh.

+ Ứng dụng phương pháp sinh học phân tử để xác định tác nhân, giải thích cơ chế sinh bệnh và mô tả dịch tễ học phân tử.

b. Nhiễm khuẩn bệnh viện

- Tỷ lệ mắc bệnh.

- Yếu tố nguy cơ, thang điểm đánh giá nguy cơ.

- Tác nhân gây bệnh.

c. Các bệnh không lây và tai nạn

- Tim bẩm sinh: chẩn đoán sớm, yếu tố nguy cơ phát hiện muộn.

- Chấn thương sọ não: đặc điểm lâm sàng, yếu tố nguy cơ, nguyên nhân, và phòng ngừa.

- Vấn đề khác: suy thận mãn.

d. Kỹ thuật xét nghiệm

- Ứng dụng xét nghiệm trong chẩn đoán và xử trí bệnh.

- Kiểm chuẩn giá trị các xét nghiệm.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS; đang hướng dẫn **1** nghiên cứu sinh chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học từ năm 2019.

- Đã hướng dẫn (số lượng) **14** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **14**

12 đề tài NCKH cấp Cơ sở.

1 đề tài NCKH cấp Tỉnh / TP.

1 đề tài NCKH cấp Nhà nước.

- Đã công bố (số lượng) **94** bài báo khoa học, trong đó **48** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **7**, trong đó **7** thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: …….

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Bằng khen của Bộ Y tế (2009, 2011, 2011, 2011, 2014)

+ Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ (QĐ số 1750/QĐ-TTg, ngày 27/9/2013)

+ Thầy thuốc ưu tú (QĐ số 183/QĐ CTN, ngày 14/2/2012)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Về thực hiện nhiệm vụ của giảng viên:

- Ứng viên thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn thực hành lâm sàng cho học viên, nhiệt tình hướng dẫn học viên làm luận văn và tham gia đánh giá luận văn, luận án của học viên.

- Ứng viên tham gia vào việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đảm bảo chất lượng cho chương trình đào tạo. Tham gia vào việc biên soạn giáo trình giảng dạy cho sinh viên và học viên.

- Ứng viên tích cực thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công bố các đề tài nghiên cứu trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị.

- Ứng viên luôn tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất đạo đức, uy tín và danh dự của người thầy thuốc và thầy giáo: tận tâm phục vụ bệnh nhân, hết lòng giảng dạy cho sinh viên, học viên theo đúng các nguyên lý, mục tiêu, chương trình đào tạo; khiêm tốn và trung thực trong khoa học; gương mẫu trong lao động sư phạm; công bằng trong đối xử với học viên, sinh viên; tôn trọng quyền lợi của sinh viên và học viên; sẵn sàng bảo vệ quyền lợi chính đáng cho học viên và sinh viên.

- Ứng viên luôn luôn cố gắng học và tự học nhằm mục đích nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy hiệu quả và nghiệp vụ quản lý để phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

- Ứng viên luôn luôn hòa nhã với mọi người, cố gắng tạo mối đoàn kết tốt với đồng nghiệp, sinh viên, học viên và bệnh nhân; tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng; xây dựng mối quan hệ hợp tác tốt giữa nhà trường và bệnh viện để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên làm việc và sinh viên học tập.

- Ứng viên luôn tận tụy với công việc, thực hiện đúng nội quy quy chế của nhà trường; chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân và luôn trung thành với Tổ quốc.

b. Có đủ năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành các nhiệm vụ được giao:

- Ứng viên là bác sĩ Y khoa tốt nghiệp với bằng đỏ (hạng giỏi) tiếp tục học bác sĩ Nội trú bệnh viện, sau tốt nghiệp được phân về bệnh viện đã cố gắng học tập, rèn luyện và đã đạt trình độ của Thạc sĩ và Tiến sĩ về chuyên ngành Nhi khoa.

- Ứng viên có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực Nhi khoa và các kiến thức tổng quát trong các lĩnh vực có liên quan như khoa học cơ bản, nghiên cứu khoa học và quản lý.

- Ứng viên có kinh nghiệm trong đào tạo, có phương pháp giảng dạy hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng; có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học và có thể ứng dụng các tiến bộ công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ứng viên có thể ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực ngoại ngữ để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Được mời giảng dạy lâm sàng về Nhi cho đại học và sau đại học của bộ môn Nhi của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh và Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch từ năm 2010; giảng dạy về quản lý bệnh viện cho Viện Y tế công cộng từ năm 2013 đến nay. Trưởng ban huấn luyện đào tạo của BV Nhi Đồng 2 (mã số đào tạo cấp Bộ Y tế) từ năm 2010 – 2017. Giảng viên thỉnh giảng cho Trường Đại học Tây Đô năm 2015 đến nay.

- Đã hướng dẫn **10** học viên Thạc sĩ và **4** bác sĩ Chuyên khoa cấp II bảo vệ thành công luận văn; Đang hướng dẫn chính cho **3** học viên trình độ Thạc sĩ thực hiện nghiên cứu khoa học viết luận văn, và làm hướng dẫn phụ cho **1** Nghiên cứu sinh từ năm 2019 về chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Là chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp thành phố có tính ứng dụng cao, tham gia vào đề tài cấp nhà nước. Tác giả chính và đồng tác giả các bài báo đăng trong các tạp chí uy tín trong và ngoài nước có giá trị ứng dụng thực tiễn cao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số **11** năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015 - 2016			2		90		90/320/135
2	2016 - 2017					90		90/168/135
3	2017 - 2018			1		90		90/214/135
3 năm học cuối								
4	2018 - 2019			3		30,7	24,5	55,2/198,2/135
5	2019 - 2020		1	3		19,5	30	49,5/202,5/135
6	2020 - 2021			3		61,5	34	95,5/219,5/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT *ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, trình độ B2

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: ……..…..; Từ năm …… đến năm ……
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: ……. năm……

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ……. số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:……...
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ……..…….

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: ……...…….

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ ngoại ngữ B2.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	BS. Phạm Phương Chi		x (HVCH)	x		2010 - 2011	ĐHYD TP. HCM	19/4/2012 QĐ số 1506/QĐ-ĐHYD-SĐH
2	BS. Trần Hà Phương Tâm		x (HVCH)	x		2011 - 2012	ĐHYD TP. HCM	18/12/2012 QĐ số 1490/QĐ-ĐHYD-SĐH
3	BS. Nguyễn Duy Quang		x (HVCH)	x		2014 - 2015	ĐHYD TP. HCM	17/12/2015 QĐ số 4704/QĐ-ĐHYD
4	CN. Nguyễn Thị Kim Liên		x (HVCH)	x		2014 - 2015	ĐHYD TP. HCM	17/12/ 2015 QĐ số 4704/QĐ-ĐHYD
5	BS. Thái Thanh Thủy		x (CK II)	x		2014 - 2015	Trường ĐH YK PNT	30/3/2016 QĐ số 778/QĐ-BYT
6	BS. Hoàng Nguyên Lộc		x (CK II)	x		2015 - 2016	Trường ĐH YK PNT	7/4/2017 QĐ số 1356/QĐ-BYT
7	BS. Đỗ Châu Việt		x (CK II)	x		2015 - 2016	Trường ĐH YK PNT	7/4/2017 QĐ số 1356/QĐ-BYT

8	BS. Nguyễn Trí Hào		x (CK II)	x		2017 - 2018	Trường ĐH YK PNT	25/3/2019 QĐ số 946/QĐ-TĐHYKPNT
9	CN. Nguyễn Quang Minh Mẫn		x (HVCH)	x		2018 - 2019	ĐHYD TP. HCM	25/12/2019 QĐ số 5528/QĐ-ĐHYD
10	CN. Nguyễn Thị Thu Diễm		x (HVCH)	x		2018 - 2019	ĐHYD TP. HCM	25/12/2019 QĐ số 5528/QĐ-ĐHYD
11	Bs. Hồ Thị Anh Thư		x (HVCH)		x	2017 - 2019	ĐHYD TP. HCM	25/12/2019 QĐ số 5528/QĐ-ĐHYD
12	CN. Trang Thị Hồng Nhung		x (HVCH)	x		2019 - 2020	ĐHYD TP. HCM	31/12/2020 QĐ số 4921/QĐ-ĐHYD
13	CN. Kim Trần Quan		x (HVCH)	x		2019 - 2020	ĐHYD TP. HCM	31/12/2020 QĐ số 4921/QĐ-ĐHYD
14	CN. Nguyễn Thế Anh		x (HVCH)	x		2019 -2020	ĐHYD TP. HCM	31/12/2020 QĐ số 4921/QĐ-ĐHYD

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	**Tên sách**	**Loại sách (CK, GT, TK, HD)**	**Nhà xuất bản và năm xuất bản**	**Số tác giả**	**Chủ biên**	**Phần biên soạn (từ trang … đến trang)**	**Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)**
I	**Trước khi được công nhận TS**						
II	**Sau khi được công nhận TS**						

1	Chăm sóc thiết yếu sơ sinh	HD	NXB Y học 2012	14	x		63/GCN-ĐHYD
2	Phác đồ điều trị bệnh lý sơ sinh 2012	HD	NXB Y học 2012	12	x		289/GCN-ĐHYD
3	Phác đồ điều trị bệnh lý thận niệu	HD	NXB Y học 2014	1	x		48/GCN-ĐHYD
4	Hướng dẫn điều trị bệnh lý sơ sinh	HD	NXB Y học 2015	13	x		50/GCN-ĐHYD
5	Phác đồ điều trị nhi khoa 2016	HD	NXB Y học 2016	80	x		52/GCN-ĐHYD
6	Phác đồ ngoại trú nhi khoa 2016	HD	NXB Y học 2016	17	x		51/GCN-ĐHYD
7	Đạo đức Y học	GT	NXB Y học 2020	10		118 - 129	1015/QĐ-ĐHYD

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],……

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
I	**Trước khi công nhận là TS**				

II	**Sau khi công nhận là TS**				
1	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng, phương pháp chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh Tay Chân Miệng tại Việt nam	Cá nhân tham gia	ĐTĐL.2011G/56 Cấp Nhà nước	2011-2013	26/8/2014 Đạt
2	Hiệu quả của thẩm phân phúc mạc liên tục ngoại trú ở trẻ em suy thận mạn giai đoạn cuối	CN	YT-2013-08 Cấp Thành Phố	2013-2016	16/12/2016 Đạt
3	Đặc điểm của bệnh nhi viêm phổi do cúm A	CN	CS/N2/14/37 Cấp cơ sở	2013-2014	9/4/2015 Tốt
4	Đặc điểm điều trị dịch truyền trong sốc sốt xuất huyết Dengue tại bệnh viện Nhi Đồng 2 từ 01/2011 – 3/2012	CN	CS/N2/13/26 Cấp cơ sở	2013-2014	9/4/2015 Tốt
5	Đặc điểm bệnh tay chân miệng biến chứng thần kinh nặng tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2011	CN	CS/N2/14/38 Cấp cơ sở	2013-2014	9/4/2015 Tốt
6	Đặc điểm bệnh tay chân miệng biến chứng suy hô hấp – tuần hoàn điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng 2	CN	CS/N2/14/39 Cấp cơ sở	2013-2014	9/4/2015 Tốt
7	Đánh giá việc triển khai các kỹ thuật Nhi khoa theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và Đông Nam bộ năm 2012	CN	CS/N2/13/20 Cấp cơ sở	1/2013 – 12/2013	16/4/2015 Tốt
8	Thực trạng khám và điều trị bệnh tay chân miệng tại các bệnh	CN	CS/N2/13/21 Cấp cơ sở	1/2013 – 12/2013	16/4/2015 Tốt

	viện tuyến tỉnh khu vực Đông Nam bộ, duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên và năm 2012				
9	Thực trạng khám và điều trị bệnh sốt xuất huyết tại các bệnh viện tuyến tỉnh khu vực Đông Nam bộ, duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên năm 2013 - 2014	CN	CS/N2/15/33 Cấp cơ sở	1/2015 – 12/2015	29/12/2015 Tốt
10	Thay đổi mức độ trầm cảm, lo âu và stress của cha mẹ sau khi tham gia chăm sóc con được điều trị cách ly tại khoa Sơ Sinh	CN	CS/N215/34 Cấp cơ sở	1/2015 – 12/2015	29/12/2015 Tốt
11	Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi về phòng ngừa bệnh tay chân miệng của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi đến khám tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 TPHCM từ tháng 09/2014 đến tháng 07/2015	CN	CS/N2/15/38 Cấp cơ sở	2014-2015	29/12/2015 Tốt
12	Khảo sát diễn tiến lâm sàng, cận lâm sàng trẻ bệnh tay chân miệng nặng được lọc máu tại BVNĐ2	CN	CS/N2/16/07 Cấp cơ sở	2015-2016	30/12/2016 Tốt
13	Chấn thương sọ não trẻ em tại bệnh viện Nhi Đồng 2: tử vong và các yêu tố liên quan đến độ nặng	CN	CS/N2/16/09 Cấp cơ sở	2015-2016	30/12/2016 Tốt
14	Đặc điểm bệnh nhân tim bẩm sinh nhập viện khoa Cấp Cứu	CN	CS/N2/16/58 Cấp cơ sở	2016-2017	29/12/2017 Tốt

	Bệnh viện Nhi Đồng 2				

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn của bài báo	Tập, số, trang	Năm công bố
I	**Trước khi công nhận TS**							
	Tạp chí nước ngoài							
1	Randomized comparison of oxygen mask treatment vs. nasal continuous positive airway pressure in dengue shock syndrome with acute respiratory failure.	7		Journal of Tropical Pediatrics / ISSN 1465 – 3664 https://doi.org/10.1093/tropej/48.6.335	SCOPUS Q2 IF: 0,94	88	48 (6) 335-339	2002
Tạp chí trong nước								
2	Mức độ đề kháng kháng sinh của vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện tại khoa săn sóc tăng cường trẻ em.	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			7 (1) 188-192	2003
3	Tần suất nhiễm khuẩn bệnh viện tại khoa hồi sức cấp cứu nhi.	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			9 (2) 78-85	2005
4	Viêm phổi bệnh viện tại khoa săn	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 9 (3) 86-91	2005

	sóc đặc biệt trẻ em.							
II	**Sau khi công nhận TS**							
Tạp chi trong nước								
5	Tình trạng đồng nhiễm các typ siêu vi Dengue và mức độ nặng của sốt xuất huyết.	12		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			16 (2) 168-171	2012
6	Đặc điểm bệnh tay chân miệng biến chứng thần kinh nặng tại bệnh viện nhi đồng 2 năm 2011.	3	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 17 (3) 256-264	2013
7	Đặc điểm điều trị dịch truyền trong sốc sốt xuất huyết tại bệnh viện Nhi Đồng 2 từ tháng 1/2011 đến 3/2012.	3		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 17 (1) 336- 342	2013
8	Đánh giá việc triển khai các kỹ thuật nhi khoa theo quyết định 23/2005/QĐ-BYT của Bộ Y tế tại 3 khu vực phía nam năm 2012.	5	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 18 (3) 216 -221	2014
9	Thực trạng khám và điều trị bệnh tay chân miệng tại các bệnh viện tuyến tỉnh khu vực đông nam bô, duyên hải nam trung bộ và tây nguyên năm 2012.	4	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 18 (3) 222 -226	2014

10	Đặc điểm bệnh tay chân miệng biến chứng suy hô hấp – tuần hoàn điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2011.	6		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 18 (3) 311 - 320	2014
11	Thực trạng khám và điều trị bệnh sốt xuất huyết tại các bệnh viện tuyến tỉnh khu vực đông nam bộ, duyên hải nam trung bộ và tây nguyên năm 2013 – 2014 .	3	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 19 (3) 211 - 216	2015
12	Hiệu quả thẩm phân phúc mạc liên tục ngoại trú trên bệnh nhân suy thận mạn giai đoạn cuối tại bệnh viện nhi đồng 2 từ 1/2013 – 1/2016.	3	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 20 (5) 271 -275	2016
13	Thay đổi mức độ trầm cảm, lo âu và stress của cha mẹ sau khi tham gia chăm sóc con được điều trị cách ly tại khoa sơ sinh.	3	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 20 (6) 105 -112	2016
14	Khảo sát diễn tiến lâm sàng, cận lâm sàng trẻ bệnh tay chân miệng nặng được lọc máu tại Nhi Đồng 2.	4	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 21 (3) 125 – 130	2017
15	Chấn thương sọ não ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Đồng 2: tử vong	5		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 21 (3) 449 – 455	2017

	và các yếu tố liên quan độ nặng.							
16	Thang điểm đánh giá nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện tại khoa hồi sức tích cực Nhi.	1	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 22 (1) 267 – 273	2018
17	Kiến thức hành vi thái độ của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi về phòng chống bệnh tay chân miệng.	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 22 (1) 274-280	2018
18	Tình hình chẩn đoán và xử trí trước nhập viện của bệnh nhi tim bẩm sinh nhập khoa cấp cứu.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			463 (2) 156 - 160	2018
19	Các yếu tố liên quan kiến thức, thái độ, hành vi về phòng bệnh tay chân miệng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 22 (3) 58 – 66	2018
20	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng chấn thương sọ não trẻ em tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 22 (3) 87 – 94	2018
21	Đặc điểm lâm sàng và liệu pháp dịch truyền ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue có sốc.	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 22 (3) 130 – 135	2018
22	Đặc điểm của bệnh nhi viêm	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 22 (3) 137 - 143	2018

	phổi do cúm A H1N1.							
23	Chỉ định và kết quả lọc máu liên tục đối với bệnh nhân tay chân miệng biến chứng nặng.	2	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859 -1779			Phụ bản 22 (3) 249 -255	2018
24	Các yếu tố nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện của các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp tại khoa Hồi sức tích cực nhi.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			464 (1) 143 – 147	2018
25	Hệ quả của nhiễm khuẩn bệnh viện tại khoa Hồi sức tích cực Nhi.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			464 (2) 44 - 46	2018
26	Vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện tại khoa hồi sức tích cực nhi.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			464 (2) 79 - 82	2018
27	Nhiễm khuẩn bệnh viện và các yếu tố nguy cơ tại khoa hồi sức tích cực nhi.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			465 (1) 35 - 38	2018
28	Nghiên cứu bệnh chứng về yếu tố liên quan đến chẩn đoán muộn tim bẩm sinh ở trẻ em.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			474 (2) 52 - 56	2019
29	Mức độ stress và các yếu tố liên quan đến stress ở các bà mẹ có con nằm tại phòng cách ly của khoa sơ sinh.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			474 (2) 107-111	2019

30	Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, dịch tễ trên bệnh nhân nhiễm nấm da tại bệnh viện Da liễu TP. HCM.	4	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			Phụ bản Tập 23 (3) 194 - 199	2019
31	So sánh sự tương đồng kết quả xét nghiệm sinh hóa cơ bản giữa máy Beckman Coulter AU680 và Humastar 600 tại bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh cơ sở 2.	4	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			Phụ bản Tập 23 (3) 314 - 323	2019
32	Đặc điểm lâm sàng và tỉ lệ tim bẩm sinh nặng ở trẻ sơ sinh mắc bệnh tim bẩm sinh tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2017 – 2018	4		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			Phụ bản 23 (4) 120 – 125	2019
33	Đặc điểm sốt rét ác tính trẻ em nhập bệnh viện Nhi Đồng từ 2012 – 2019	3	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			Phụ bản 24 (2) 113 – 117	2020
34	Đặc điểm lâm sàng và dịch tễ của nhiễm nấm da do sợi tơ nấm vách ngăn.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			493 (2) 114 – 118	2020
35	Đánh giá tính ổn định và độ đồng nhất mẫu HbA1c đông khô dùng trong ngoại kiểm.	6		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			493 (2) 200 -204	2020
36	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng sốt rét trẻ em.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			493 (2) 54-58	2020

37	Giá trị của xét nghiệm multiplex PCR trong chẩn đoán viêm màng não mủ trẻ em.	3	Tác giả chính	Y học thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			phụ bản tập 24 (5) 232-236	2020
38	Đặc điểm dịch tễ và lâm sàng viêm âm đạo do vi nấm *Candida spp*	4	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			phụ bản tập 24 (5) 237-242	2020
39	Độ ổn định và độ đồng nhất của mẫu máu giả định chứa vi khuẩn *Escherichia coli* dùng trong ngoại kiểm.	3	Tác giả chính	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			phụ bản tập 24 (5) 243-247	2020
40	Xác định tác nhân gây viêm âm đạo bằng kỹ thuật cấy trên môi trường Chromagar.	4	Tác giả chính	Y học thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			phụ bản tập 24 (5) 248-252	2020
41	Nồng độ đáy của vancomycin trong điều trị các trường hợp nhiễm khuẩn nặng ở trẻ em.	4	Tác giả chính	Y học thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859 -1779			phụ bản tập 24 (5) 313-317	2020
42	Đánh giá độ ổn định mẫu hồng cầu sử dụng cho sản xuất mẫu ngoại kiểm công thức máu.	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			494 (2) 64 - 67	2020
43	Ảnh hưởng của yếu tố kinh tế xã hội lên phát hiện muộn tim bẩm sinh trẻ em.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			494 (2) 139-143	2020
44	Thiết lập mẫu giả định chứa vi khuẩn *Staphylococcus*	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			500 (1) 90 - 93	2021

	aureus dùng trong ngoại kiểm.							
45	Kết quả đáp ứng điều trị với thuốc kháng sốt rét ở trẻ em.	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			500 (1) 141 -144	2021
46	Yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng Vancomycin an toàn và hiệu quả ở trẻ em	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			503 (1) 162 -166	2021
47	Nghiên cứu về nguyên nhân gây chấn thương đầu ở trẻ em.	1	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1858 -1868			503 (1) 214 - 218	2021
Tạp chí nước ngoài								
48	Protective and Enhancing HLA Alleles, HLA-DRB1*0901 and HLA-A*24, for Severe Forms of Dengue Virus Infection, Dengue Hemorrhagic Fever and Dengue Shock Syndrome	14		PLOS Neglected Tropical Diseases ISSN: 1935-2727 https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0000304	SCOPUS Q1 IF: 3,94	141	2 (10) 1-7	2008
49	Subtyping and env C2/V3 Sequence Analysis of HIV-1 Isolated from HIV-Infected Children Hospitalized in Children Hospital 1, Vietnam during 2004 –2005	13		Journal of Tropical Pediatrics ISSN: 1465 – 3664 https://doi.org/10.1093/tropej/fmp029	SCOPUS Q2 IF: 0,94	3	55 (6) 399-401	2009

50	Elevated Levels of Cell-Free Circulating DNA in Patients with Acute Dengue Virus Infection	14		PLOS ONE ISSN: 1932-6203 https://doi.org/10.1371/journal.pone.0025969	SCOPUS Q1 IF: 2,94	80	6 (10) 1-7	2011
51	Viral Molecular Characterization of the First Congenital Rubella Syndrome Case in Vietnam	7		Clinical Laboratory ISSN: 1433-6510 https://www.clin-lab-publications.com/article/735	SCOPUS Q3 IF: 0,94	8	57 (5-6) 397-401	2011
52	Clinical Validation of a Point-of-Care Multiplexed In Vitro Immunoassay Using Monoclonal Antibodies (the MSD Influenza Test) in Four Hospitals in Vietnam	19		Journal of Clinical Microbiology ISSN: 0095-1137 https://doi.org/10.1128/JCM.00085-12	SCOPUS Q1 IF: 5,07	13	50 (5) 1621-1625	2012
53	Epidemiological features and risk factors of Salmonella gastroenteritis in children resident in Ho Chi Minh City, Vietnam	19		Epidemiology and Infection ISSN: 0950-2688 https://doi.org/10.1017/S0950268812002014	SCOPUS Q2 IF: 2,26	27	141(8) 1604-1613	2013
54	Development of clinical decision rules to predict recurrent shock in dengue	13		BioMed Central, Critical Care ISSN: 1364-8535 10.1186/cc13135	SCOPUS Q1 IF: 5,59	23	17 (6) 1-8	2013
55	Molecular Epidemiology and Disease Severity of Human Respiratory	10		PLOS ONE ISSN: 1932-6203 https://doi.org/10.1371/journal.pone.0045436	SCOPUS Q1 IF: 2,94	65	8 (1) 1-10	2013

	Syncytial Virus in Vietnam							
56	Endemic Norovirus Infections in Children, Ho Chi Minh City, Vietnam, 2009–2010	17		Emerging Infectious Diseases ISSN: 1080-6040 10.3201/eid1906.111862	SCOPUS Q1 IF:6,50	32	19 (6) 977 - 980	2013
57	Effect of double dose oseltamivir on clinical and virological outcomes in children and adults admitted to hospital with severe influenza: double blind randomised controlled trial			BMJ ISSN · 0959-8138 https://doi.org/10.1136/bmj.f3039	SCOPUS Q1 IF: 4,23	96	346: f3039 1 -16	2013
58	Safety and reactogenicity of primary vaccination with the 10-valent pneumococcal non-typeable Haemophilus influenzae protein D conjugate vaccine in Vietnamese infants: a randomised, controlled trial	9		BMC Infectious Diseases ISSN: 1471-2334 10.1186/1471-2334-13-95	SCOPUS Q1 IF: 2,86	8	13 (95) 1 -10	2013
59	The dynamics of GII.4 Norovirus in Ho Chi Minh City, Vietnam	20		Infection, Genetics and Evolution ISSN: 1567-1348 10.1016/j.meegid.2013.04.014	SCOPUS Q1 IF: 2,91	14	18 335 - 343	2013
60	The policy of free healthcare for children under the age of 6 years in	11		Tropical Medicine and International Health ISSN:1365-3156	SCOPUS Q1 IF: 2,45	6	18 (12) 1444 - 1451	2013

	Vietnam: assessment of the uptake for children hospitalised with acute diarrhoea in Ho Chi Minh City			10.1111/tmi.12208				
61	The validation and utility of a quantitative one-step multiplex RT real-time PCR targeting Rotavirus A and Norovirus	23		Journal of Virological Methods ISSN: 1879-0984 10.1016/j.jviromet.2012.09.021	SCOPUS Q3 IF: 1,84	52	187 (1) 138 - 143	2013
62	Patient-Based Transcriptome-Wide Analysis Identify Interferon and Ubiquination Pathways as Potential Predictors of Influenza A Disease Severity	28		PLOS ONE ISSN: 1932-6203 https://doi.org/10.1371/journal.pone.0111640	SCOPUS Q1 IF: 2,94	16	9 (11) 1 -15	2014
63	The Association of Cytokines with Severe Dengue in Children	13		Tropical Medicine and Health ISSN: 1349-4147 10.2149/tmh.2014-09	SCOPUS Q2 H index: 19	40	42 (4) 137 -144	2014
64	A generic assay for whole-genome amplification and deep sequencing of enterovirus A71.	24		Journal of Virological Methods ISSN: 1879-0984 10.1016/j.jviromet.2015.02.011	SCOPUS Q3 IF:1,84	29	215 -216 30-36	2015
65	A Prospective Multi-Center Observational Study of Children Hospitalized with Diarrhea in Ho	29		American Journal of Tropical Medicine and Hygiene ISSN: 1476-1645 10.4269/ajtmh.14-0655	SCOPUS Q1 IF: 2,10	49	92 (5) 1045 - 1052	2015

	Chi Minh City, Vietnam							
66	Molecular Epidemiology of Influenza A Virus Infection Among Hospitalized Children in Vietnam During Post-Pandemic Period.	6		Journal of Medical Virology ISSN: 1096-9071 10.1002/jmv.24143	SCOPUS Q2 IF: 2,10	3	87 (6) 904- 912	2015
67	Phylodynamics of Enterovirus A71-Associated Hand, Foot, and Mouth Disease in Viet Nam	32		Journal of Virology ISSN: 1098-5514 https://doi.org/10.1128/JVI.00706-15	SCOPUS Q1 IF: 4,37	53	89 (17) 8871 - 8879	2015
68	Sensitivity and Specificity of a Novel Classifier for the Early Diagnosis of Dengue	15		PLOS Neglected Tropical Diseases ISSN: 1935-2727 10.1371/journal.pntd.0003638	SCOPUS Q1 IF: 3,94	29	9 (4) 1 -15	2015
69	The impact of environmental and climatic variation on the spatiotemporal trends of hospitalized pediatric diarrhea in Ho Chi Minh City, Vietnam	17		Health and Place ISSN: 1353-8292 https://doi.org/10.1016/j.healthplace.2015.08.001	SCOPUS Q1 IF: 3,9	23	35 147 -154	2015
70	Validation and utilization of an internally controlled multiplex Real-time RT-PCR assay for simultaneous detection of enteroviruses and enterovirus A71 associated with	23		BioMed Central, Virology Journal ISSN: 1743-422X 10.1186/s12985-015-0316-2	SCOPUS Q2 IF: 2,67	23	12 (85) 1 - 9	2015

	hand foot and mouth disease							
71	Viral and atypical bacterial aetiologies of infection in hospitalised patients admitted with clinical suspicion of influenza in Thailand, Vietnam and Indonesia	24		Influenza and Other Respiratory Viruses ISSN:1750-2659 https://doi.org/10.1111/irv.12326	SCOPUS Q1 IF: 3,49	18	9 (6) 315 -322	2015
72	Development and evaluation of a nonribosomal random PCR and next generation sequencing based assay for detection and sequencing of hand, foot and mouth disease pathogens	17		BioMed Central, Virology Journal ISSN: 1743-422X 10.1186/s12985-016-0580-9	SCOPUS Q2 IF: 2,67	20	13 (125) 1 - 10	2016
73	Synchrony of Dengue Incidence in Ho Chi Minh City and Bangkok	13		PLOS Neglected Tropical Diseases ISSN: 1935-2727 https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0005188	SCOPUS Q1 IF: 3,94	7	10 (12) 1 - 18	2016
74	Human rhinovirus infections in hospitalized children: clinical, epidemiological and virological features	11		Epidemiology and Infection ISSN: 1469-4409 10.1017/S0950268815000953	SCOPUS Q2 IF: 2,26	22	144 (2) 346 -354	2016
75	Clinical and epidemiological characteristics of acute respiratory virus infections	10		Epidemiology and Infection ISSN: 1469-4409 10.1017/S095026881500134X	SCOPUS Q2 IF: 2,26	27	144 (3) 527 -536	2016

	in Vietnamese children							
76	Chikungunya and Zika Virus Cases Detected against a Backdrop of Endemic Dengue transmission in Vietnam	15		American. Journal of Tropical Medicine and Hygiene ISSN: 1476-1645 10.4269/ajtmh.16-0979	SCOPUS Q1 IF: 2,10	25	97 (1) 146 -150	2017
77	Enterovirus D 68 in Viet Nam (2009 – 2015)	25		Wellcome Open Research ISSN: 2398- 502X 10.12688/wellcomeopenres.11558.2	SCOPUS Q1 IF: 1,86	8	2(41) 1-13	2017
78	The first genome sequences of human bocavirus from Viet Nam	16		Wellcome Open Research ISSN: 2398- 502X 10.12688/wellcomeopenres.10042.1	SCOPUS Q1 IF: 1,86	1	1(16) 1- 14	2017
79	An Evidence-Based Algorithm for Early Prognosis of Severe Dengue in the Outpatient Setting	14		Clinical Infectious Disease ISSN: 1537-6591 10.1093/cid/ciw863	SCOPUS Q1 IF: 6,81	27	64 (5) 656 -663	2017
80	**Prevention and recognition of abusive head trauma: training for healthcare professionals in Vietnam**	**6**	**Tác giả chính**	**Acta Pædiatrica** ISSN: 0803-5253 10.1111/apa.13977	**SCOPUS Q1 IF: 2,06 H index: 109**	**3**	**106 (10) 1608 - 1616**	**2017**
81	A spatial and temporal analysis of paediatric central nervous system infections from 2005 to 2015 in Ho Chi	17		Epidemiology and Infection ISSN: 1469-4409 10.1017/S095026881700228X	SCOPUS Q2 IF: 2,26	2	145 (15) 3307-3317	2017

	Minh City, Vietnam							
82	A Double Blind, Randomized, Placebo Controlled Trial of Lactobacillus acidophilus for the Treatment of Acute Watery Diarrhea in Vietnamese Children	14		Pediatric Infectious Disease Journal ISSN: 1532-0987 10.1097/INF.0000000000001712	SCOPUS Q1 IF: 2,16	8	37 (1) 35-42	2018
83	Retrospective analysis assessing the spatial and temporal distribution of paediatric acute respiratory tract infections in Ho Chi Minh City, Vietnam	16		BMJ Open ISSN: 2044-6055 10.1136/bmjopen-2017-016349	SCOPUS Q1 IF: 2,71	13	8 (1) 1 -9	2018
84	**Professional self-efficacy for responding to child abuse presentations**	**6**	**Tác giả chính**	**Journal of Children's Services** ISSN: 1746-6660 https://doi.org/10.1108/JCS-09-2017-0044	**SCOPUS Q2 IF:0,61 H index: 19**	**1**	**13 (3/4) 81 -92**	**2018**
85	Emerging Coxsackievirus A6 Causing Hand, Foot and Mouth Disease, Vietnam".	25		Emerging Infectious Diseases ISSN 1080-6059 10.3201/eid2404.171298	SCOPUS Q1 IF: 6,50	47	24 (4) 654 – 662	2018
86	Clinical and Molecular Epidemiology of Human Parainfuenza Viruses 1–4 in Children from Viet Nam	11		Scientific Report ISSN: 2045-2322 10.1038/s41598-018-24767-4	SCOPUS Q1 IF: 4,14	7	8 (1) 1 - 8	2018

87	Clinical and aetiological study of hand, foot and mouth disease in southern Vietnam, 2013–2015: Inpatients and outpatients	25		International Journal of Infectious Diseases ISSN: 1201-9712 10.1016/j.ijid.2018.12.004	SCOPUS Q1 IF: 3,20	25	80 1 - 9	2019
88	Enterovirus A71 Phenotypes Causing Hand, Foot and Mouth Disease, Vietnam	22		Emerging Infectious Diseases ISSN 1080-6059 10.3201/eid2504.181367	SCOPUS Q1 IF: 6,50	9	25(4) 788 -791	2019
89	Neutralizing Antibodies against Enteroviruses in Patients with Hand, Foot and Mouth Disease	24		Emerging Infectious Diseases ISSN 1080-6059 10.3201/eid2602.190721	SCOPUS Q1 IF: 6,50	2	26(2) 298-306	2019
90	**Overexpression of blaOXA-58 Gene Driven by ISAba3 Is Associated with Imipenem Resistance in a Clinical *Acinetobacter baumannii* Isolate from Vietnam**	**6**	**Tác giả chính**	**BioMed Research International** ISSN: 2314-6141 https://doi.org/10.1155/2020/7213429	**SCOPUS Q2 IF:2,36 H index: 109**	**1**	**ID 7213429 9 pages**	**2020**
91	**Application of Continuous Renal Replacement Therapy for Severe Hand, Foot and Mouth Disease: A Serial Case Study**	**3**	**Tác giả chính**	**Sapporo Medical Journal** ISSN: 0036-472X https://www.maejournal.com/article/application-of-continuous-renal-replacement-therapy-for-severe-hand-food-and-mouth-disease-a-serial-case-study	**SCOPUS Q4 IF: 0,2 H index: 3**	**1**	**54 (10) 1-7**	**2020**

92	Clinical, etiological and epidemiological investigations of hand, foot and mouth disease in southern Vietnam during 2015 – 2018	21		PLOS Neglected Tropical Diseases ISSN: 1935-2727 https://doi.org/10.1371/journal.pntd.0008544	SCOPUS Q1 IF: 3,94		14(8) 1-17	2020
93	**Comparison of Multiplex Real-Time PCR, Gram Stain, Latex and Culture for the Diagnosis of Bacterial Meningitis in Vietnamese Children**	**4**	**Tác giả chính**	**Sapporo Medical Journal** ISSN: 0036-472X https://www.maejournal.com/article/comparison-of-multiplex-real-time-pcr-gram-stain-latex-and-culture-for-the-diagnosis-of-bacterial-meningitis-in-vietnamese-children	**SCOPUS Q4 IF: 0,2 H index: 3**	**1**	**55 (2) 1-8**	**2021**
94	Longitudinal sampling is required to maximize detection of intrahost A/H3N2 virus variants	24		Virus Evolution ISSN: 2057-1577 10.1093/ve/veaa088	SCOPUS Q3 IF: 1	1	6 (2) 1- 9	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **5.**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): ……

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):…….

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chuyên khoa Nhi – Huyết học Ung bướu	Tham gia	Quyết định số 5778/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của HT ĐHYD TP. HCM	Bộ Y tế	Quyết định số 3549/QĐ-BYT ngày 08/08/2019	Tuyển sinh 2 khóa từ 2019

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- 2018 – 2019 / thiếu 12,3 giờ; 2019 – 2020 / thiếu 18 giờ.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ……..……

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: …….

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: …….

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ……...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: …….

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: …….

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: ……

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Mạnh Tuấn